



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang
và công ty con**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2020



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận

Đăng ký Doanh nghiệp số

1701947619

ngày 17 tháng 2 năm 2014

1701947619

ngày 19 tháng 9 năm 2016

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 1701947619 ngày 19 tháng 9 năm 2016. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và các bản điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Kiên Giang cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Hồng Xanh
Ông Phan Đăng Tuất
Ông Nguyễn Trí Dũng
Ông Teo Hong Keng
Ông Lê Văn Thập

Chủ tịch
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên

Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Hải Yến
Ông Nguyễn Văn Minh
Bà Nguyễn Thị Ngọc Nhiều

Trưởng ban
Thành viên
Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Lê Văn Thập
Ông Hoàng Xuân Tùng
Ông Trần Tuấn Anh

Giám đốc
Phó Giám đốc
Phó Giám đốc

Trụ sở đăng ký

Đường D1, D2 - Khu Công nghiệp Thạnh Lộc
Xã Thạnh Lộc, Huyện Châu Thành
Tỉnh Kiên Giang
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang và công ty con
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty và công ty con (gọi chung là “Nhóm Công ty”) cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 5 đến trang 41 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Nhóm Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.



Tỉnh Kiên Giang, ngày 23 tháng 3 năm 2021



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang (“Công ty”) và công ty con (gọi chung là “Nhóm Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 23 tháng 3 năm 2021, được trình bày từ trang 5 đến trang 41.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

007-6
ẢNH
TNH
1G
CHỈ



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Kiên Giang và công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam
Báo cáo kiểm toán số: 20-01-00318-21-2



Nguyễn Văn Đình
Nguyễn Văn Đình
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0414-2018-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Thanh Nghị
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0304-2018-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 3 năm 2021

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang và công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12
năm 2020

Mẫu B 02 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 130 + 140 + 150)	100		329.830.147.571	242.695.627.989
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	15.059.227.807	44.701.638.476
Tiền	111		15.059.227.807	11.701.638.476
Các khoản tương đương tiền	112		-	33.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		162.088.324.375	96.434.833.753
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	148.552.742.653	74.426.496.204
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	10.055.222.139	19.647.275.543
Phải thu ngắn hạn khác	136	8(a)	3.480.359.583	2.361.062.006
Hàng tồn kho	140	9	149.001.657.590	97.063.276.481
Tài sản ngắn hạn khác	150		3.680.937.799	4.495.879.279
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		2.713.788.936	2.334.052.855
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		243.154.783	682.439.337
Thuế phải thu Nhà nước	153		723.994.080	1.479.387.087

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang và công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12
năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 02 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 260)	200		877.176.643.526	961.240.860.137
Các khoản phải thu dài hạn	210		1.950.000.000	31.681.637.271
Phải thu dài hạn của khách hàng	211	6	-	28.921.637.271
Phải thu dài hạn khác	216	8(b)	1.950.000.000	2.760.000.000
Tài sản cố định	220		733.453.042.865	765.210.952.766
Tài sản cố định hữu hình	221	10	731.965.756.717	763.758.438.744
Nguyên giá	222		1.026.046.004.848	993.301.565.202
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(294.080.248.131)	(229.543.126.458)
Tài sản cố định vô hình	227	11	1.487.286.148	1.452.514.022
Nguyên giá	228		1.696.095.495	1.596.095.495
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(208.809.347)	(143.581.473)
Bất động sản đầu tư	230	12	99.563.116.197	101.039.414.425
Nguyên giá	231		112.948.785.557	111.644.265.568
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(13.385.669.360)	(10.604.851.143)
Tài sản dở dang dài hạn	240		7.704.057.006	27.435.037.901
Xây dựng cơ bản dở dang	242	13	7.704.057.006	27.435.037.901
Tài sản dài hạn khác	260		34.506.427.458	35.873.817.774
Chi phí trả trước dài hạn	261	14	33.620.027.651	34.987.417.967
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		886.399.807	886.399.807
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.207.006.791.097	1.203.936.488.126

947615
 NG TY
 PHÂN
 SÀI G
 IÊN GIANG
 HANH - T. K

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang và công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12
năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 02 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		1.094.682.587.182	1.034.904.444.646
Nợ ngắn hạn	310		647.131.748.260	558.159.055.909
Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	51.818.656.200	58.515.007.735
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		7.744.503.743	3.551.732.535
Thuế phải nộp Nhà nước	313	16	260.230.910.866	367.282.647.324
Phải trả người lao động	314		4.623.476.996	6.662.896.658
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	7.490.235.604	13.022.212.054
Doanh thu chưa thực hiện	318		1.833.788.201	1.746.515.475
Phải trả ngắn hạn khác	319	18	24.224.075.684	5.313.574.898
Vay ngắn hạn	320	19(a)	289.101.586.845	101.781.000.040
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	20	64.514.121	283.469.190
Nợ dài hạn	330		447.550.838.922	476.745.388.737
Phải trả dài hạn khác	337		4.802.800.854	4.860.800.854
Vay dài hạn	338	19(b)	441.451.008.677	470.449.820.857
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		1.297.029.391	1.434.767.026
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		112.324.203.915	169.032.043.480
Vốn chủ sở hữu	410	21	112.324.203.915	169.032.043.480
Vốn cổ phần	411	22	115.000.000.000	115.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		115.000.000.000	115.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418	24	14.690.799.990	14.631.429.050
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu (Lỗ lũy kế)/lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		594.076.515	2.399.837.602
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421		(17.981.200.488)	36.979.526.395
- (Lỗ)/lãi còn lại năm nay	421a		18.923.397.411	10.562.479.275
- (Lỗ)/lãi còn lại năm nay	421b		(36.904.597.899)	26.417.047.120
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		20.527.898	21.250.433
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.207.006.791.097	1.203.936.488.126

Ngày 23 tháng 3 năm 2021

Người lập:



Nguyễn Vũ Lâm
 Phó phòng kế toán

Người duyệt:



Hà Thị Hoàn Hảo
 Kế toán Trưởng



Lê Văn Thập
 Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang và công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12
năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 02 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2020 VND	2019 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	26	612.027.225.403	907.575.774.889
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	27	557.811.884.894	765.904.858.610
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		54.215.340.509	141.670.916.279
Doanh thu hoạt động tài chính	21	28	5.487.626.999	695.108.202
Chi phí tài chính	22	29	64.174.197.013	53.591.812.249
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		64.169.262.451	53.591.064.533
Chi phí bán hàng	25	30	6.140.539.463	8.716.282.698
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	31	26.925.330.065	31.707.807.529
(Lỗ)/lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		(37.537.099.033)	48.350.122.005
Thu nhập khác	31		114.346.968	243.250.277
Chi phí khác	32		10.060.836	3.278.518.047
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		104.286.132	(3.035.267.770)
(Lỗ)/lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		(37.432.812.901)	45.314.854.235
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	33	229.435.291	6.798.598.251
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	52	33	(137.737.635)	(1.348.377.744)
(Lỗ)/lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) (mang sang trang sau)	60		(37.524.510.557)	39.864.633.728



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang và công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12
năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 02 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2020 VND	2019 VND
(Lỗ)/lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) (mang từ trang trước sang)	60		(37.524.510.557)	39.864.633.728
Trong đó:				
(Lỗ)/lợi nhuận sau thuế của Công ty	61		(37.525.525.865)	39.863.868.316
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		1.015.308	765.412
Lãi trên cổ phiếu				
(Lỗ)/lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	34	(3.269)	2.925

Ngày 23 tháng 3 năm 2021

Người lập:



Nguyễn Vũ Lâm
 Phó phòng kế toán

Người duyệt:



Hà Thị Hoàn Hảo
 Kế toán Trưởng



Lê Văn Thập
 Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang và công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã	Thuyết	2020	2019
	số	minh	VND	VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
(Lỗ)/lợi nhuận kế toán trước thuế	01		(37.432.812.901)	45.314.854.235
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		67.383.167.764	65.043.983.188
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(5.126.849.072)	(695.108.202)
Chi phí lãi vay	06		64.169.262.451	53.591.064.533
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	08		88.992.768.242	163.254.793.754
trước những thay đổi vốn lưu động				
Biến động các khoản phải thu	09		(32.179.788.473)	(53.600.224.732)
Biến động hàng tồn kho	10		(51.938.381.109)	(2.463.934.967)
Biến động các khoản phải trả và				
nợ phải trả khác	11		(95.965.121.408)	165.369.705.860
Biến động chi phí trả trước	12		1.707.031.509	3.616.077.299
			(89.383.491.239)	276.176.417.214
Tiền lãi vay đã trả	14		(63.739.874.124)	(51.313.581.063)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(6.923.220.286)	(3.795.076.113)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(2.151.184.077)	(12.128.264.396)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động	20		(162.197.769.726)	208.939.495.642
kinh doanh				
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản				
cố định	21		(18.396.087.323)	(34.789.446.629)
Tiền thu lãi tiền gửi	27		4.131.571.755	695.108.202
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động	30		(14.264.515.568)	(34.094.338.427)
đầu tư				

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang và công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã	Thuyết	2020	2019
	số	minh	VND	VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ đi vay	33		564.101.018.265	1.433.869.094.628
Tiền trả nợ gốc vay	34		(405.779.243.640)	(1.562.654.837.439)
Tiền trả cổ tức	36		(11.501.900.000)	(23.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		146.819.874.625	(151.785.742.811)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		(29.642.410.669)	23.059.414.404
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		44.701.638.476	21.642.224.072
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60)	70	5	15.059.227.807	44.701.638.476

Ngày 23 tháng 3 năm 2021

Người lập:



Nguyễn Vũ Lâm
 Phó phòng kế toán

Người duyệt:



Hà Thị Hoàn Hào
 Kế toán Trưởng



Lê Văn Thập
 Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang và công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 bao gồm Công ty và công ty con (được gọi chung là “Nhóm Công ty”).

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Nhóm Công ty là sản xuất bia và mạch nha ủ men bia; chưng, tinh chất và pha chế các loại rượu mạnh; sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng và các hoạt động khác; kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ; hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy; bán buôn đồ uống; bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; vận tải hàng hóa bằng đường bộ và hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải hàng không.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Nhóm Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Nhóm Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày 1 tháng 1 năm 2020, Công ty có 1 công ty con như sau:

Tên	Địa chỉ	Hoạt động chính	Tỷ lệ vốn sở hữu và quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Kho vận Bia Sài Gòn Kiên Giang	Đường 2, Khu Công nghiệp Thạnh Lộc, Xã Thạnh Lộc, Huyện Châu Thành, Tỉnh Kiên Giang	Quản lý và cho thuê văn phòng và kho bãi và cung cấp dịch vụ vận tải	99,83%

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Nhóm Công ty có 148 nhân viên (1/1/2020: 158 nhân viên).

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Giả định hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở hoạt động liên tục. Trong năm, Nhóm Công ty đã phát sinh lỗ thuần sau thuế là 37.525 triệu VND (2019: lãi thuần sau thuế là 39.865 triệu VND) và tại ngày lập bảng cân đối kế toán, nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn là 317.302 triệu VND (1/1/2020: 315.463 triệu VND). Nhóm Công ty cũng có các khoản vay đáng kể cần tái tài trợ trong vòng 12 tháng kế tiếp (Thuyết minh 19). Hơn nữa, Nhóm Công ty chủ yếu sản xuất và bán hàng cho bên liên quan là Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn. Giá trị của giả định hoạt động liên tục sử dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này cơ bản tùy thuộc vào việc Nhóm Công ty tiếp tục nhận đủ đơn đặt hàng từ Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn, tạo ra dòng tiền thuần dương từ hoạt động kinh doanh và có sẵn các khoản tín dụng ngân hàng nhằm giúp Nhóm Công ty có thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn và duy trì sự tồn tại và hoạt động liên tục của Nhóm Công ty trong một tương lai có thể dự kiến trước được.

Tại ngày lập báo cáo này, Nhóm Công ty vẫn còn các khoản tín dụng ngân hàng sẵn có và cũng không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Nhóm Công ty sẽ không tiếp tục nhận đủ đơn đặt hàng từ Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và tạo ra dòng tiền thuần dương từ hoạt động kinh doanh.

(d) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(e) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Nhóm Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Nhóm Công ty. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thoái vốn của Nhóm Công ty trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Nhóm Công ty trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

(iii) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các giao dịch và số dư trong nội bộ Nhóm Công ty và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- | | |
|--------------------------|------------|
| ▪ nhà cửa, vật kiến trúc | 5 – 45 năm |
| ▪ máy móc và thiết bị | 5 – 15 năm |
| ▪ phương tiện vận chuyển | 5 – 12 năm |
| ▪ thiết bị quản lý | 5 – 15 năm |
| ▪ tài sản khác | 6 – 10 năm |

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(g) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất gồm:

- Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất;
- Quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp; và
- Quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà tiền thuê đất đã được trả trước cho thời hạn dài hơn 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất không thời hạn được ghi nhận theo nguyên giá và không trích khấu hao. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 8 năm.

(h) Bất động sản đầu tư

(i) Bất động sản đầu tư cho thuê

Nguyên giá

Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi Ban Giám đốc Công ty. Đối với bất động sản đầu tư mua về trong giao dịch hợp nhất kinh doanh, nguyên giá là giá trị đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- nhà cửa, vật kiến trúc 5 – 38 năm

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(ii) Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được phân ánh theo giá gốc trừ đi các khoản giảm giá trị theo giá thị trường. Giá trị ghi sổ của bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá sẽ được ghi giảm nếu có bằng chứng cho thấy giá thị trường của bất động sản đầu tư giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ của bất động sản này và giá trị khoản tổn thất có thể xác định được một cách đáng tin cậy. Khoản ghi giảm giá trị của bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được tính vào giá vốn hàng bán.

(i) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phân ánh các khoản chi cho công trình xây dựng và máy móc chưa hoàn thành hoặc lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(j) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo quy định hiện hành và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất từ 32 đến 35 năm.

(ii) Bao bì luân chuyển

Bao bì luân chuyển bao gồm chai, két sử dụng trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Nhóm Công ty và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Bao bì luân chuyển được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(iii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Nhóm Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(k) Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua lại công ty con được xác định bằng chi phí mua trừ đi lợi ích của Nhóm công ty trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua. Khoản chênh lệch âm (lãi từ giao dịch mua giá rẻ) được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 10 năm. Giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con được ghi giảm xuống bằng giá trị có thể thu hồi khi Ban Giám đốc xác định khoản lợi thế thương mại không thể thu hồi toàn bộ.

Đối với các khoản đầu tư được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại được bao gồm trong giá trị ghi sổ của khoản đầu tư và không được khấu hao.

(l) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(m) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Nhóm Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(n) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chênh lệch giữa số tiền thu được từ việc phát hành cổ phiếu vượt trên mệnh giá được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông, sau khi trừ đi các ảnh hưởng của thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(o) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính hợp nhất và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(p) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(iii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iv) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(q) Các khoản thanh toán tiền thuê

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

(r) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(s) Lãi trên cổ phiếu

Nhóm Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi cho kỳ kế toán báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm.

Công ty không có các cổ phiếu có tác động suy giảm tiềm năng, quy định về trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng.

(t) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Nhóm Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Nhóm Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(u) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các Nhóm Công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là bên liên quan.

(v) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính hợp nhất này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính hợp nhất này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty trong năm trước.

4. Báo cáo bộ phận

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Nhóm Công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bia. Hoạt động khác là cho thuê bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ vận tải. Trong năm, hoạt động khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động của Nhóm Công ty, theo đó thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày 1 tháng 1 năm 2020 và doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày 31 tháng 12 năm 2019 chủ yếu liên quan đến hoạt động kinh doanh chính của Nhóm Công ty.

Về mặt địa lý, Nhóm Công ty chỉ hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam.

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Tiền mặt	736.202.518	732.269.245
Tiền gửi ngân hàng	14.323.025.289	10.969.369.231
Các khoản tương đương tiền	-	33.000.000.000
	<hr/>	<hr/>
	15.059.227.807	44.701.638.476

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

6. Phải thu của khách hàng

(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo các khách hàng lớn

	31/12/2020	1/1/2020
	VND	VND
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Sài Gòn - Thạnh Lộc	142.842.066.995	72.193.492.872
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	3.218.569.970	27.107.766.113
Các khách hàng khác	2.492.105.688	4.046.874.490
	<hr/>	<hr/>
	148.552.742.653	103.348.133.475
	<hr/>	<hr/>
<i>Trong đó:</i>		
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	148.552.742.653	74.426.496.204
Phải thu dài hạn của khách hàng	-	28.921.637.271
	<hr/>	<hr/>
	148.552.742.653	103.348.133.475

(b) Phải thu của khách hàng là bên liên quan

	31/12/2020	1/1/2020
	VND	VND
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	3.218.569.970	27.107.766.113
	<hr/>	<hr/>

Khoản phải thu thương mại từ bên liên quan không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thể thu được khi có yêu cầu.

7. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2020	1/1/2020
	VND	VND
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Sài Gòn - Thạnh Lộc	3.907.990.823	8.651.985.232
Công ty Cổ phần Hơi Bão Hòa	3.070.266.671	3.831.273.200
Công ty Cổ phần Y&Y Group	392.841.848	3.169.015.344
Các nhà cung cấp khác	2.684.122.797	3.995.001.767
	<hr/>	<hr/>
	10.055.222.139	19.647.275.543
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

8. Phải thu khác

(a) Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Lãi trả chậm phải thu từ khách hàng	995.277.317	-
Ký quỹ, ký cược	795.804.077	223.260.000
Tạm ứng	787.457.500	645.313.500
Phải thu ngắn hạn khác	901.820.689	1.492.488.506
	3.480.359.583	2.361.062.006

(b) Phải thu dài hạn khác

Các khoản phải thu dài hạn khác thể hiện đặt cọc dài hạn cho dịch vụ vận tải.

9. Hàng tồn kho

	31/12/2020		1/1/2020	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi đường	-	-	14.600.000	-
Nguyên vật liệu	27.946.035.433	-	31.551.425.997	-
Công cụ và dụng cụ	5.003.358.875	-	9.120.919.045	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	20.351.082.410	-	28.500.890.003	-
Thành phẩm	51.246.462.639	-	27.806.221.891	-
Hàng hóa	44.454.718.233	-	69.219.545	-
	149.001.657.590	-	97.063.276.481	-

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị quản lý VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	245.402.433.457	657.440.320.893	43.976.254.582	45.402.743.088	1.079.813.182	993.301.565.202
Tăng trong năm	1.194.745.950	4.002.080.720	6.027.069.544	-	-	11.223.896.214
Chuyển từ xây dựng cơ bản dờ dang	-	21.520.543.432	-	-	-	21.520.543.432
Số dư cuối năm	246.597.179.407	682.962.945.045	50.003.324.126	45.402.743.088	1.079.813.182	1.026.046.004.848
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	33.014.226.421	164.207.826.799	14.941.177.532	16.993.612.688	386.283.018	229.543.126.458
Khấu hao trong năm	9.745.259.971	46.347.161.778	4.403.260.991	3.912.985.629	128.453.304	64.537.121.673
Số dư cuối năm	42.759.486.392	210.554.988.577	19.344.438.523	20.906.598.317	514.736.322	294.080.248.131
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	212.388.207.036	493.232.494.094	29.035.077.050	28.409.130.400	693.530.164	763.758.438.744
Số dư cuối năm	203.837.693.015	472.407.956.468	30.658.885.603	24.496.144.771	565.076.860	731.965.756.717

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, tài sản cố định hữu hình có nguyên giá 984.625 triệu VND (1/1/2020: 982.157 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Nhóm Công ty (Thuyết minh 19).

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

11. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	1.038.400.000	557.695.495	1.596.095.495
Tăng trong năm	-	100.000.000	100.000.000
Số dư cuối năm	1.038.400.000	657.695.495	1.696.095.495
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	-	143.581.473	143.581.473
Khấu hao trong năm	-	65.227.874	65.227.874
Số dư cuối năm	-	208.809.347	208.809.347
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	1.038.400.000	414.114.022	1.452.514.022
Số dư cuối năm	1.038.400.000	448.886.148	1.487.286.148

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, tài sản cố định vô hình có nguyên giá là 1.596 triệu VND (1/1/2020: 1.596 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Nhóm Công ty (Thuyết minh 19).

12. Bất động sản đầu tư

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Bất động sản đầu tư cho thuê (a)	35.002.921.197	36.800.414.425
Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá (b)	64.560.195.000	64.239.000.000
	99.563.116.197	101.039.414.425

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, bất động sản đầu tư có nguyên giá là 111.965 triệu VND (1/1/2020: 111.644 triệu VND) được thế chấp tại các ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Nhóm Công ty (Thuyết minh 19).

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***(a) Bất động sản đầu tư cho thuê**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm	47.405.265.568
Tăng trong năm	983.324.989
	<hr/>
Số dư cuối năm	48.388.590.557
	<hr/>
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	10.604.851.143
Khấu hao trong năm	2.780.818.217
	<hr/>
Số dư cuối năm	13.385.669.360
	<hr/>
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	36.800.414.425
Số dư cuối năm	35.002.921.197
	<hr/>

(b) Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 phản ánh quyền sử dụng đất của Nhóm Công ty tại Thành phố Phú Quốc, Tỉnh Kiên Giang.

Nhóm Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá có thể khác với giá trị ghi sổ.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

15. Phải trả người bán ngắn hạn

(a) Phải trả người bán chi tiết theo các nhà cung cấp lớn

	Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ	
	31/12/2020	1/1/2020
	VND	VND
Công ty TNHH NPC VINA	14.971.220.000	-
Công Ty TNHH Bao Bì Nước Giải Khát Crown Đồng Nai	6.919.794.797	-
Công ty TNHH Thủy tinh Malaya Việt Nam	6.770.290.666	-
Công ty TNHH Thương mại và Vận tải Thái Tân	4.798.865.449	6.148.574.899
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	2.749.411.545	10.112.131.104
Công ty TNHH Lon Nước Giải Khát TBC-Ball Việt Nam	935.923.051	12.523.407.790
Các nhà cung cấp khác	14.673.150.692	29.730.893.942
	51.818.656.200	58.515.007.735

(b) Phải trả người bán là bên liên quan

	Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ	
	31/12/2020	1/1/2020
	VND	VND
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	2.749.411.545	10.112.131.104
Công ty TNHH Thủy tinh Malaya Việt Nam	6.770.290.666	-

Khoản phải trả cho các bên liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và phải hoàn trả khi được yêu cầu và trong vòng 60 ngày.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

16. Thuế phải nộp Nhà nước

	1/1/2020 VND	Số phát sinh trong năm VND	Số đã nộp/cần trừ trong năm VND	Phân loại lại VND	31/12/2020 VND
Thuế giá trị gia tăng	14.329.906.562	111.243.313.995	(117.020.424.486)	42.850.500	8.595.646.571
Thuế tiêu thụ đặc biệt	344.004.252.185	504.272.277.480	(597.361.519.095)	-	250.915.010.570
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.570.121.997	229.435.291	(6.923.220.286)	253.098.289	129.435.291
Thuế thu nhập cá nhân	2.378.366.580	1.282.669.206	(3.070.217.352)	-	590.818.434
Các loại thuế khác	-	5.000.000	(5.000.000)	-	-
	367.282.647.324	617.032.695.972	(724.380.381.219)	295.948.789	260.230.910.866



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

17. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Chi phí lãi vay	3.948.365.583	3.518.977.256
Chi phí lương trích trước	1.315.400.000	-
Chi phí xây dựng	188.612.319	169.900.000
Chi phí thuê gia công trụ đèn quảng cáo	-	5.471.462.877
Chi phí trích trước khác	2.037.857.702	3.861.871.921
	7.490.235.604	13.022.212.054

18. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Chi phí mua hàng chưa có hóa đơn	16.767.317.060	3.417.036.626
Cổ tức phải trả	5.751.100.000	1.900.000
Nhận ký quỹ, ký cược	578.996.412	1.374.707.250
Phải trả khác	1.126.662.212	519.931.022
	24.224.075.684	5.313.574.898

19. Vay

(a) Vay ngắn hạn

	1/1/2020 Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ VND	Biến động trong năm		31/12/2020 Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ VND
		Tăng VND	Giảm VND	
Vay ngắn hạn	-	561.733.918.265	(380.903.054.748)	180.830.863.517
Vay dài hạn đến hạn trả	101.781.000.040	30.270.723.328	(23.781.000.040)	108.270.723.328
	101.781.000.040	592.004.641.593	(404.684.054.788)	289.101.586.845



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
▪ Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng – Chi nhánh Kiên Giang (*)	VND	7,2% - 8,2%	150.430.863.517	-
▪ Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh – Chi nhánh Kiên Giang (i)	VND	8,0%	30.000.000.000	-
▪ Ông Tạ Châu Thái (*)	VND	7,5%	400.000.000	-
			180.830.863.517	-

(*) Các khoản vay này không được đảm bảo.

(b) Vay dài hạn

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Vay dài hạn	549.721.732.005	572.230.820.897
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(108.270.723.328)	(101.781.000.040)
	441.451.008.677	470.449.820.857

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
▪ Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng – Chi nhánh Kiên Giang (i)	VND	8,7% - 9,7%	2021 - 2026	544.578.670.900	565.375.870.900
▪ Ngân hàng Bru điện Liên Việt (ii)	VND	9,6% - 14,2%	2021 - 2024	5.143.061.105	6.854.949.997
				549.721.732.005	572.230.820.897

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

- (i) Khoản vay ngắn hạn và dài hạn này được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình và bất động sản đầu tư có nguyên giá tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 lần lượt là 977.614 triệu VND, 1.596 triệu VND và 77.643 triệu VND (1/1/2020: 977.614 triệu, 1.596 triệu và 77.643 triệu) (Thuyết minh 10, Thuyết minh 11 và Thuyết minh 12).
- (ii) Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình và bất động sản đầu tư có nguyên giá tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 lần lượt là 7.011 triệu VND và 25.680 triệu VND (1/1/2020: 4.543 triệu VND và 25.680 triệu VND) (Thuyết minh 10 và Thuyết minh 12).

20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Nhóm Công ty theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Quỹ được dùng để chi trả các khoản khen thưởng cho nhân viên của Nhóm Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Nhóm Công ty.

Biến động quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2020	2019
	VND	VND
Số dư đầu năm	283.469.190	2.457.976.581
Trích lập trong năm (Thuyết minh 21)	67.517.897	6.230.976.394
Sử dụng trong năm	(286.472.966)	(8.405.483.785)
Số dư cuối năm	64.514.121	283.469.190

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang và công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

21. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2019	115.000.000.000	10.704.336.617	2.195.525.780	34.200.252.109	22.952.251	162.123.066.757
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	39.863.868.316	765.412	39.864.633.728
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 20)	-	-	-	(6.230.409.164)	(567.230)	(6.230.976.394)
Trích các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	3.927.092.433	3.927.092.433	(7.854.184.866)	-	-
Cổ tức (Thuyết minh 23)	-	-	-	(23.000.000.000)	(1.900.000)	(23.001.900.000)
Sử dụng các quỹ	-	-	(3.722.780.611)	-	-	(3.722.780.611)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2020	115.000.000.000	14.631.429.050	2.399.837.602	36.979.526.395	21.250.433	169.032.043.480
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	(37.525.525.865)	1.015.308	(37.524.510.557)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 20)	-	-	-	(67.300.970)	(216.927)	(67.517.897)
Trích/(hoàn nhập) các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	59.370.940	58.950.024	(117.900.048)	(420.916)	-
Cổ tức (Thuyết minh 23)	-	-	-	(17.250.000.000)	(1.100.000)	(17.251.100.000)
Sử dụng các quỹ	-	-	(1.864.711.111)	-	-	(1.864.711.111)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	115.000.000.000	14.690.799.990	594.076.515	(17.981.200.488)	20.527.898	112.324.203.915

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

22. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2020 và 1/1/2020	
	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	11.500.000	115.000.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	11.500.000	115.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Không có biến động vốn cổ phần trong năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Các cổ đông của Công ty tại ngày báo cáo bao gồm:

	31/12/2020 và 1/1/2020	
	Số cổ phiếu	%
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	2.300.000	20%
Các cổ đông khác	9.200.000	80%
	11.500.000	100%

23. Cổ tức

Tại cuộc họp ngày 20 tháng 6 năm 2020, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã quyết định chia khoản cổ tức cho các cổ đông là 17.250 triệu VND từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2019 (tương đương 1.500 VND/cổ phiếu) (2019: 23.000 triệu VND, tương đương 2.000 VND/cổ phiếu).

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

24. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

25. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Trong vòng một năm	4.350.275.343	2.589.630.000
Từ hai đến năm năm	10.480.337.671	6.220.333.644
Sau năm năm	2.183.835.617	1.303.726.027
	17.014.448.631	10.113.689.671

(b) Ngoại tệ

	31/12/2020		1/1/2020	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	182.835	4.245.417.650	93.758	2.180.297.082
EUR	6.985	162.709.063	-	-



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

26. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng đã bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng và thuế tiêu thụ đặc biệt.

	2020 VND	2019 VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán thành phẩm	546.441.686.525	850.965.274.693
<i>Doanh thu bán thành phẩm đã bao gồm</i>		
<i>thuế tiêu thụ đặc biệt</i>	<i>1.050.713.964.005</i>	<i>1.641.515.657.956</i>
<i>Thuế tiêu thụ đặc biệt</i>	<i>(504.272.277.480)</i>	<i>(790.550.383.263)</i>
▪ Bán kết và vỏ chai	47.258.810.254	48.409.313.205
▪ Cung cấp dịch vụ vận tải	6.111.634.268	418.643.182
▪ Doanh thu cho thuê	6.056.222.484	4.291.637.140
▪ Doanh thu gia công bia	2.095.841.160	-
▪ Doanh thu khác	4.063.030.712	3.490.906.669
	<hr/>	<hr/>
	612.027.225.403	907.575.774.889

27. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	2020 VND	2019 VND
Tổng giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp		
▪ Thành phẩm đã bán	501.780.363.046	714.677.507.398
▪ Kết và vỏ chai đã bán	46.366.314.605	48.099.266.174
▪ Dịch vụ vận tải đã cung cấp	5.205.706.783	359.941.723
▪ Chi phí khấu hao của tài sản cho thuê	2.562.329.834	2.753.346.961
▪ Gia công bia	1.659.709.160	-
▪ Giá vốn khác	237.461.466	14.796.354
	<hr/>	<hr/>
	557.811.884.894	765.904.858.610



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

28. Doanh thu hoạt động tài chính

	2020	2019
	VND	VND
Lãi tiền gửi	189.035.926	695.108.202
Lãi trả chậm từ khách hàng	4.937.813.146	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	360.777.927	-
	<hr/>	<hr/>
	5.487.626.999	695.108.202
	<hr/>	<hr/>

29. Chi phí tài chính

	2020	2019
	VND	VND
Chi phí lãi vay	64.169.262.451	53.591.064.533
Lỗ chênh lệch tỷ giá	4.934.562	747.716
	<hr/>	<hr/>
	64.174.197.013	53.591.812.249
	<hr/>	<hr/>

30. Chi phí bán hàng

	2020	2019
	VND	VND
Chi phí nhân viên	858.915.523	785.322.219
Chi phí công cụ, dụng cụ	511.446.354	87.058.371
Chi phí khấu hao	636.502.032	630.435.364
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.647.159.035	4.928.665.245
Chi phí bán hàng khác	486.516.519	2.284.801.499
	<hr/>	<hr/>
	6.140.539.463	8.716.282.698
	<hr/>	<hr/>



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

31. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2020	2019
	VND	VND
Chi phí nhân viên	8.287.147.563	7.682.675.612
Chi phí khấu hao và phân bổ	5.121.495.302	5.166.718.341
Thuế, phí và lệ phí	157.206.299	291.189.491
Chi phí công cụ, dụng cụ	471.220.638	759.044.069
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.275.970.877	2.395.386.264
Chi phí quản lý khác	11.612.289.386	15.412.793.752
	<hr/>	<hr/>
	26.925.330.065	31.707.807.529
	<hr/>	<hr/>

32. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2020	2019
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	430.276.633.363	633.358.182.431
Chi phí khấu hao và phân bổ	67.383.167.764	65.043.983.188
Chi phí nhân công và nhân viên	32.641.270.457	37.725.427.156
Chi phí dịch vụ mua ngoài	18.600.923.434	42.265.871.150
Chi phí khác	41.975.759.404	27.935.484.912
	<hr/>	<hr/>

33. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	2020	2019
	VND	VND
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện hành	229.435.291	6.798.598.251
Lợi ích thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	(137.737.635)	(1.348.377.744)
	<hr/>	<hr/>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	91.697.656	5.450.220.507
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2020 VND	2019 VND
(Lỗ)/lợi nhuận kế toán trước thuế	(37.432.812.901)	45.314.854.235
Thuế theo thuế suất của Công ty	(3.743.281.290)	4.531.485.424
Chi phí không được khấu trừ thuế	5.236.899.505	325.263.979
Ưu đãi thuế	(98.329.411)	(2.336.007.984)
Ảnh hưởng của mức thuế suất khác áp dụng đối với các khoản thu nhập không được hưởng ưu đãi thuế và đối với công ty con	(1.319.896.132)	2.941.140.336
Thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận	16.304.984	-
Thu nhập không bị tính thuế	-	(11.661.248)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	91.697.656	5.450.220.507

(c) Thuế suất áp dụng

(i) Công ty

Theo các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đầu tư, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế suất thuế thu nhập là 10% trên lợi nhuận tính thuế trong 15 năm kể từ khi Công ty bắt đầu đi vào hoạt động (từ 2015 đến 2029). Các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đầu tư cũng cho phép Công ty được miễn thuế thu nhập trong 4 năm kể từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế (từ 2015 đến 2018) và giảm 50% thuế thu nhập trong 9 năm tiếp theo (từ 2019 đến 2027).

Đối với thu nhập tính thuế phát sinh từ dự án đầu tư mở rộng do nâng công suất từ 50 triệu lít/năm lên 100 triệu lít/năm được tính theo thuế suất thuế thu nhập thông thường.

(ii) Công ty Cổ phần Kho vận Bia Sài Gòn Kiên Giang (“Công ty con”)

Theo các điều khoản trong Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty con có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập theo thuế suất thuế thu nhập thông thường trên lợi nhuận tính thuế.

Theo quy định của Nghị định 114/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020, Công ty được giảm 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của kỳ tính thuế năm 2020 do có tổng doanh thu năm 2020 không quá 200 tỷ VND.

Mức thuế suất thuế thu nhập thông thường áp dụng cho các doanh nghiệp chưa tính các ưu đãi là 20%.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

34. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	2020 VND	2019 VND
(Lỗ)/lợi nhuận thuần trong năm	(37.525.525.865)	39.863.868.316
Số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	(67.300.970)	(6.230.409.164)
Lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông	<u>(37.592.826.835)</u>	<u>33.633.459.152</u>

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

Không có biến động số lượng cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 và 2019. Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền dùng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho cả hai năm báo cáo là 11.500.000 cổ phiếu.

35. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất, trong năm, Nhóm Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2020 VND	2019 VND
Nhà đầu tư		
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn		
Bán thành phẩm (đã bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt)	873.364.790.811	1.534.379.172.243
Bán dịch vụ dán tem thùng	127.609.509	-
Mua nguyên vật liệu	258.258.813.058	463.440.325.293
Mua hàng hoá khác	31.027.500	-
Cổ tức	-	4.600.000.000
Bên liên quan khác		
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Sông Hậu		
Cho thuê kho	4.086.846.210	4.191.637.140
Công ty TNHH Thủy tinh Malaya Việt Nam		
Mua vật liệu bao bì	12.666.723.876	-



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	2020 VND	2019 VND
Nhân sự quản lý chủ chốt		
Lương, thưởng và các phúc lợi khác	3.835.141.881	5.135.300.000

36. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2020 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Ngày 23 tháng 3 năm 2021

Người lập:



Nguyễn Vũ Lâm
Phó phòng kế toán

Người duyệt:



Hà Thị Hoàn Hào
Kế toán Trưởng



Lê Văn Thập
Giám đốc



